

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HS - ST

Ngày 28/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vy Phát Tước

2. Ông Hoàng Văn Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đậu Xuân Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/TLST - HS ngày 08/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST- HS ngày 15/9/2020 đối với bị cáo:

Ma Thị M; sinh năm 1964; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 02/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ma Tiến K (đã chết) và bà Ma Thị P (đã chết); chồng: Nguyễn Văn T (Đã chết); con: Có 02 con (*Con lớn sinh năm 1984, Con nhỏ sinh năm 1987*); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/7/2020 đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B. Có mặt.

* Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh B. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lục Đình H – Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C, tỉnh B (Theo văn bản ủy quyền 1005/UBND – NN&PTNT của Ủy ban nhân dân huyện C). Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Ông Phan Văn V, sinh năm 1987, Nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh B (Phan Văn V đồng thời là người làm chứng trong vụ án). Có mặt.

2. Ông Phan Văn T, sinh năm 1965, Nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 30/12/2019 và 06/01/2020, Trạm kiểm lâm Y thuộc Hạt kiểm lâm huyện C phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh B tiến hành kiểm tra, phát hiện một phần diện tích rừng (*Qua đo đạc sơ bộ bàn đầu xác định được diện tích rừng bị phát phá là 9816m²*) tại lô 26 và một phần lô 28 khoảnh 6 Tiểu khu 288 khu rừng T thuộc thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh B đã bị phát phá trái phép cây cối lấy mặt bằng để canh tác, trồng trọt.

Ngày 03/3/2020, Hạt kiểm lâm huyện C phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát huyện C và chính quyền địa phương tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả sử dụng máy định vị toàn cầu (GPS) để đo đạc, thống kê xác định tổng diện tích rừng bị phát phá trái phép tại lô 26 và một phần lô 28 khoảnh 6 Tiểu khu 288 khu rừng T thuộc thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh B là 7154m² (0.7154ha). Trong đó phần diện tích rừng bị phát phá tại lô 26 là 2185m² và tại lô 28 là 4969m². Tổng số cây bị chặt phá nằm rải rác tại hiện trường qua đo, đếm xác định được tổng là 52 cây có khối lượng là 6,456m³ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII. Theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh B thì phần diện tích rừng bị phá có chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên do UBND huyện C quản lý.

Ngoài ra, quá trình điều tra, xác minh xác định: Theo bản đồ quy hoạch 03 loại rừng, Bản đồ diễn biến tài nguyên rừng xã Y năm 2018 và Bản đồ địa chính xã Y xác định phần diện tích rừng 4969m² bị phát phá tại lô 28 khoảnh 6 Tiểu khu

288, khu rừng T thuộc thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh B, người đứng tên là ông Phan Văn T, trú tại thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh B. Tuy nhiên, trên thực tế thì toàn bộ phần diện tích rừng bị phát phá trên là do bà Ma Thị M và chồng là ông Nguyễn Văn T được giao khoán nuôi, bảo vệ và không có tranh chấp gì với gia đình ông Phan Văn T. Ông T cũng xác nhận toàn bộ diện tích rừng 4969m² do Ma Thị M phát phá là do gia đình bà M quản lý từ lâu, ông không có quyền lợi gì đối với phần diện tích đất đó.

Ngày 24/3/2020, Hạt kiểm lâm huyện C đã tiến hành bàn giao toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện C để tiến hành điều tra theo quy định. Quá trình điều tra xác định đối tượng phát phá diện tích rừng trên là Ma Thị M phát phá trái phép vào khoảng tháng 12 năm 2019, với mục đích để lấy đất canh tác.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 09/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: “52 (Năm mươi hai) cây gỗ tròn các loại từ nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng 6,456m³ có giá trị tại thời điểm tháng 12 năm 2019 là 3.873.600đ (Ba triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm đồng)”.

Quá trình điều tra, truy tố Ma Thị M khai nhận: Khoảng ngày 08/12/2019, do cần lấy đất canh tác nên M một mình đi vào khu vực rừng của gia đình được UBND huyện giao cho tại khu vực rừng T thuộc thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh B rồi dùng dao phát phá trái phép 01 phần diện tích rừng được giao để lấy đất canh tác trong thời gian khoảng 10 ngày. Trong quá trình phát phá diện tích rừng trên M đã sử dụng dao chặt, phát các cây gỗ có kích thước nhỏ, cây vầu, cây chuối, cây dây leo...đổ xuống bề mặt diện tích rừng để sau đó dọn dẹp lấy mặt bằng canh tác (*Trồng cây mỡ*). Còn đối với một số cây gỗ rừng tự nhiên có kích thước lớn không thể dùng dao chặt hạ được mọc rải rác còn sót lại trên diện tích rừng mà M đã phát phá thì sau đó M thuê Phan Văn V, người cùng thôn sử dụng máy cưa xăng (Cưa lốc) để cắt hạ trong khoảng thời gian ½ ngày với số tiền công là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*). Toàn bộ cây tự nhiên trên diện tích rừng sau khi phát phá trái phép M để nguyên để tự phân hủy tự nhiên tăng độ màu mỡ cho đất và dọn dẹp lấy mặt bằng canh tác. Đến ngày 30/12/2019 thì bị Cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản về việc phát phá rừng trái phép.

Tiến hành điều tra, xác minh ông Phan Văn V khai nhận: Khoảng cuối năm 2019, V được bà Ma Thị M thuê sử dụng máy cưa xăng cắt hạ khoảng 20 cây rừng tự nhiên có đường kính lớn mọc rải rác còn sót lại trên diện tích rừng mà bà

Ma Thị M đã phát phá trước đó với số tiền công là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Về vật chứng: Đối với số cây bị chặt hạ tại hiện trường qua đo, đếm xác định được tổng là 52 cây có khối lượng là $6,456\text{m}^3$ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII. Sau khi khám nghiệm hiện trường các cơ quan chức năng đã tiến hành bàn giao cho UBND xã Y, huyện C, tỉnh B trông coi, quản lý. Hiện tại đang được tạm giữ, chờ xử lý theo quy định.

Đối với 01 con dao phát đã qua sử dụng có chiều dài 36,6cm, chuôi dao bằng sắt có chiều dài 10cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 5,6cm mà Ma Thị M sử dụng để phát phá diện tích rừng trên đã được tạm giữ chờ xử lý theo quy định.

Đối với 01 máy cưa xăng mà Phan Văn V sử dụng để cắt thuê cây tự nhiên trên diện tích rừng Ma Thị M phát phá trái phép quá trình điều tra không tiến hành thu giữ được.

Quá trình điều tra đại diện Nguyên đơn dân sự có đơn đề nghị xử lý đối tượng phát phá trái phép và xem xét xử lý số tang vật là $6,456\text{m}^3$ gỗ từ nhóm V - VIII còn để tại hiện trường theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 17/CT - VKSCĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn đã truy tố bị cáo Ma Thị M về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Ma Thị M phạm tội “*Hủy hoại rừng*”. Về hình phạt đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ma Thị M từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết do nguyên đơn dân sự không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường; về xử lý vật chứng: Giao $6,456\text{m}^3$ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII cho Ủy ban nhân dân huyện C xử lý theo quy định; tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao của bị cáo dùng vào việc phạm tội; về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo;

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng, miễn việc khấu trừ thu nhập, hình phạt bổ sung và án phí là phù hợp và đúng quy định pháp luật. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt cần xem xét đến việc bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức

pháp luật còn hạn chế, từ đó đề nghị áp dụng mức xử phạt đối với bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ;

Người đại diện của nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại; về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử giao lại 6,456m³ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII hiện đang được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C trông coi, quản lý cho Ủy ban nhân dân huyện C xử lý theo quy định;

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Tại phiên tòa bị cáo Ma Thị M khai nhận: Do có nhu cầu lấy đất canh tác nên vào khoảng tháng 12 năm 2019, bị cáo đã có hành vi dùng dao phát phá sau đó thuê Phan Văn V là người cùng thôn dùng máy cưa xăng cắt hạ trái phép cây rừng tại lô 26 và một phần lô 28 khoảnh 6 Tiểu khu 288 khu rừng T thuộc thôn B, xã Yên Thịnh, huyện C, tỉnh B thuộc rừng tự nhiên sản xuất. Tổng diện tích rừng bị cáo phát phá trái phép là 7154m² (0.7154ha), gây thiệt hại 6,456m³ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII có giá trị 3.873.600 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Hành vi phát phá trái phép cây rừng tự nhiên với diện tích là 7154m² của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số: 17/CT – VKSCD ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến hoạt động quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn, gây tác hại đến môi trường sinh thái. Do đó cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo giáo dục bị cáo đồng thời để đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung trong cộng đồng dân cư trên địa bàn.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có cha (ông Ma Tiến K) là người có công với nước được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện áp dụng hình phạt theo Điều 36 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của người bào chữa cũng đảm bảo việc giám sát, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt đối với xã hội.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự thì người bị kết án còn bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước và tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, qua các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo là người làm ruộng, có thu nhập thấp, sống trong vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có khả năng thực hiện hình phạt tiền. Do đó, miễn việc khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Tổng số 52 cây gỗ bị chặt hạ tại hiện trường có tổng khối lượng là 6,456m³ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII (hiện đang do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C trông coi, quản lý) thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện C, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự đề nghị giao lại toàn bộ số gỗ trên cho Ủy ban nhân dân huyện C xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 con dao có chiều dài 36,6cm, chuôi dao bằng sắt có chiều dài 10cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 5,6cm bị cáo sử dụng làm phương để phát phá rừng trái phép căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 máy cưa xăng mà Phan Văn V sử dụng để phát phá cây rừng thuê cho bị cáo, quá trình điều tra không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về hành vi của Phan Văn V phát phá rừng thuê cho bị cáo để lấy tiền công, V không biết việc bị cáo chưa được cấp phép khai thác rừng và không biết khu vực rừng của bị cáo bị cấm chặt phá. Do đó, không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với V.

[9] Trong vụ án này còn có ông Phan Văn T là người đứng tên lô 28 khoảnh 6 Tiểu khu 288 khu rừng T thuộc thôn B, xã Y, huyện C. Quá trình điều tra xác định toàn bộ phần diện tích rừng mà bị cáo Ma Thị M phát phá trái phép là do gia đình bị cáo M được giao khoán nuôi, bảo vệ từ trước, tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận thực tế diện tích đất rừng bị cáo M phát phá trái phép đều do gia đình bị cáo M quản lý và sử dụng từ trước, ông không có quyền lợi gì đối với diện tích rừng bị bị cáo phát phá. Do vậy ông T không có yêu cầu gì đối với bị cáo M là phù hợp quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Ma Thị M là người dân tộc thiểu số, sống trong vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trước khi mở phiên tòa bị cáo có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Ma Thị M phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ma Thị M 12 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Ma Thị M cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập để sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Ma Thị M.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao đã qua sử dụng có chiều dài 36,6cm, chuôi dao bằng sắt có chiều dài 10cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 5,6cm.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh B)

Giao 6,456m³ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII ở tại hiện trường (hiện đang được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C coi, quản lý) cho Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh B xử lý theo quy định pháp luật.

(Tình trạng, số lượng gỗ theo Biên bản bàn giao ngày 03/3/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Hạt kiểm lâm huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh B)

3. Về án phí: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Ma Thị M.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Người tham gia tt;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Văn Mẫn

